

Các thông tin quan trọng trước khi nhập học

Tài liệu quan trọng. Yêu cầu học sinh đọc kĩ.

Thời gian nhập học	Khóa học	Thời gian học	Số giờ học	Thời gian nhận hồ sơ
Tháng 4	Khóa thông thường	2 năm	1 ngày 4 giờ 1 tuần 20 giờ	Giữa tháng 8 đến giữa tháng 10
Tháng 7	Khóa thông thường	1 năm 9 tháng		Giữa tháng 12 đến giữa tháng hai
Tháng 10	Khóa thông thường	1 năm 6 tháng		Giữa tháng ba đến giữa tháng năm
Tháng 1	Khóa thông thường	1 năm 3 tháng		Giữa tháng sáu đến giữa tháng tám

◎Yêu cầu nhập học

- ①Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên
- ②Hoàn thành một trong các kỳ thi năng lực tiếng Nhật được quy định dưới đây (hoặc các kỳ thi khác do Bộ Tư pháp quy định), hoặc hoàn thành số giờ học tiếng Nhật theo quy định dưới đây:
 - Nhập học tháng 4: Đạt JLPT N5 trở lên, hoặc hoàn thành ít nhất 150 giờ học tiếng Nhật
 - Nhập học tháng 7: Đạt JLPT N5 trở lên, hoặc hoàn thành ít nhất 150 giờ học tiếng Nhật
 - Nhập học tháng 10: Đạt JLPT N4 trở lên, hoặc hoàn thành ít nhất 300 giờ học tiếng Nhật
 - Nhập học tháng 1: Đạt JLPT N3 trở lên, hoặc hoàn thành ít nhất 500 giờ học tiếng Nhật
- ③Người làm đơn hoặc người bảo lãnh có đủ khả năng kinh tế để hỗ trợ hoàn toàn chi phí du học
- ④Người cho đến hiện tại không có tư cách lưu trú nào khác tại Nhật
- ⑤Người không có tiền sử phạm tội tại Nhật (bao gồm cả người thân)

< Phí xét tuyển, học phí và thời hạn, phương thức thanh toán >

◇ Phí xét tuyển hồ sơ (đã bao gồm thuế) ... 20,000 Yên

※Phí xét tuyển yêu cầu thanh toán cùng lúc với khi nộp hồ sơ.

Có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng. Trường hợp chuyển khoản ngân hàng yêu cầu phía học sinh thanh toán phí chuyển khoản.

※**Phí xét tuyển sẽ không được hoàn trả bất kể học sinh có trúng tuyển hay không.**

Đơn vị: Yên Nhật

thời lượng khóa học		2 năm	1 năm 9 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 3 tháng
năm thứ 1	lệ phí thi đầu vào	20,000	20,000	20,000	20,000
	Lệ phí tuyển sinh	66,000	66,000	66,000	66,000
	học phí	732,000	732,000	732,000	732,000
	Phí vật liệu	48,000	48,000	48,000	48,000
	Phí cơ sở	42,000	42,000	42,000	42,000
	Phí bảo hiểm	20,000	20,000	20,000	20,000
	toàn bộ	928,000	928,000	928,000	928,000
năm thứ 2	học phí	732,000	549,000	366,000	183,000
	Phí vật liệu	48,000	48,000	48,000	48,000
	Phí cơ sở	42,000	31,500	21,000	10,500
	Phí bảo hiểm	20,000	20,000	20,000	20,000
	toàn bộ	842,000	648,500	455,000	261,500

※Sau khi xác nhận đủ tư cách lưu trú, yêu cầu học sinh chuyển học phí vào tài khoản ngân hàng mà nhà trường chỉ định. Phí chuyển khoản phía học sinh có trách nhiệm thanh toán.

※Theo quy định của nhà trường, học sinh phải chuyển khoản học phí năm thứ 2 trong vòng 2 tháng trước khi bắt đầu năm học.

※Bảo hiểm sinh viên quốc tế được ghi danh vào Hiệp hội Hợp tác trường Nhật ngữ, và thời gian bảo hiểm sinh viên quốc tế chỉ trong thời gian đăng ký.

< Về thủ tục xin rút lại đơn xin nhập học >

- Vui lòng tham khảo các quy tắc hoàn trả của trường.



東京朝日アカデミー

〒173-0004 東京都板橋区板橋 2丁目 31-2

TEL : 03-6905-7457 FAX : 03-6905-7458

Các tài liệu cần thiết

◆Tài liệu liên quan đến học sinh

<input type="checkbox"/>	① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của nhà trường)
<input type="checkbox"/>	② Sơ yếu lí lịch (Theo mẫu của nhà trường)
<input type="checkbox"/>	③ Bằng tốt nghiệp/Bảng điểm bản gốc Trường hợp chưa tốt nghiệp yêu cầu nộp giấy chứng nhận sắp tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận học sinh/sinh viên và bảng điểm. Bằng tốt nghiệp và bảng điểm bản gốc sau khi xét tuyển sẽ hoàn trả lại cho học sinh.
<input type="checkbox"/>	④ 6 ảnh 3 x 4cm Mặt sau ghi họ tên học sinh.
<input type="checkbox"/>	⑤ Photo hộ chiếu (tất cả các mặt)
<input type="checkbox"/>	⑥ Giấy chứng nhận học tiếng Nhật, chứng chỉ thi năng lực tiếng Nhật Giấy chứng nhận đã học tiếng Nhật 150 giờ trở lên, Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật N5 trở lên (JLPT, J.TEST, NAT-TEST, TOPJ) Các giấy tờ trên là bắt buộc đối với học sinh thuộc các quốc gia Trung Quốc, Mông Cổ, Myanmar, Bangladesh, Nepal, Việt Nam, Srilanka.
<input type="checkbox"/>	⑦ Giấy chứng minh quan hệ gia đình (Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh)

◆Tài liệu liên quan đến người bảo lãnh

<input type="checkbox"/>	① Giấy cam kết cung cấp chi phí (Theo mẫu của nhà trường)
<input type="checkbox"/>	② Chứng minh số dư sổ tiết kiệm ngân hàng Yêu cầu sổ phải đứng tên người bảo lãnh, được phát hành trong 3 tháng trở lại đây. Số dư phải từ 300 vạn Yên trở lên.
<input type="checkbox"/>	③ Chứng minh quá trình tích lũy để có số dư hiện tại (Photo các giao dịch trước đây)
<input type="checkbox"/>	④ Giấy chứng nhận công việc đối với người đang làm tại công ty. Giấy phép kinh doanh đối với người làm kinh doanh tự do.
<input type="checkbox"/>	⑤ Giấy xác nhận thu nhập Xác nhận thu nhập trong vòng 3 năm trở lại đây.
<input type="checkbox"/>	⑥ Giấy chứng nhận nộp thuế Xác nhận có nộp thuế trong vòng 3 năm trở lại đây.
<input type="checkbox"/>	⑦ Giấy tờ liên quan đến gia đình Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh
<input type="checkbox"/>	⑧ Giấy tờ chứng minh quan hệ của học sinh với người bảo lãnh Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh
<input type="checkbox"/>	⑨ Sổ hộ khẩu gia đình

※Các lưu ý khi nộp hồ sơ

- ① Hồ sơ phải được chính bản thân học sinh (hoặc là người bảo lãnh) chuẩn bị.
- ② Hồ sơ phải được viết bằng bút màu đen. Trường hợp viết sai không được sử dụng bút xóa mà phải gạch 2 dòng kẻ ngang, đóng con dấu tên sau đó viết lại nội dung chính xác lên phía trên.
- ③ Chỉ nộp các giấy chứng nhận được cấp trong vòng 3 tháng trở lại đây.
- ④ Các loại giấy tờ đều phải sử dụng khổ giấy A4
- ⑤ Các giấy tờ không phải tiếng Nhật đều phải nộp kèm bản dịch tiếng Nhật.

